

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ DĨ AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 283/2024/HS-ST
Ngày 23-09-2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trịnh Văn Lực;

2. Ông Tô Văn Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Anh Ly, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thúy An - Kiểm sát viên.

Trong ngày 23 tháng 9 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 283/2024/TLST-HS ngày 27 tháng 8 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 301/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 9 năm 2024 đối với bị cáo:

Nguyễn Tấn P, sinh năm 1976 tại Thành phố Hồ Chí Minh; thường trú: K3/109 tổ A, khu phố A, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Mạnh K (đã chết) và bà Nguyễn Kim L (đã chết); có vợ Phạm Thị D (đã ly hôn năm 2006), bị có 01 con và 03 anh chị em.

- Tiền sự: không.

- Tiền án: Ngày 12/4/2000, bị Tòa án nhân dân huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương xử phạt 15 tháng tù về tội Trộm cắp tài sản, theo bản án số 08/HS-ST. Chưa thực hiện nghĩa vụ chịu án phí.

- Ngày 06/6/2023, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 01 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản, theo bản án số 257/2023/HS-ST, chưa thực hiện nghĩa vụ chịu án phí.

Nhân thân:

- Ngày 14/5/1996, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 tháng tù về tội Cướp giật tài sản, theo bản án số 138/1996/HS-ST.

- Ngày 14/3/2003, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 20 tháng tù giam về tội Trộm cắp tài sản, theo bản án số 75/2003/HS-ST.

- Ngày 14/5/2003, bị Tòa án nhân dân Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm tù về tội Trộm cắp tài sản, theo bản án số 30/2003/HS-ST.

Tổng hợp hình phạt của bản án số 75/HSST ngày 14/3/2003 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai là 03 năm 08 tháng tù giam.

- Ngày 14/9/2007, bị Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xử phạt 02 năm tù giam về tội Trộm cắp tài sản, theo bản án số 555/2007/HS-ST.

- Ngày 30/9/2013, bị Tòa án nhân dân thị xã Dĩ An, tỉnh Bình Dương xử phạt 07 năm 03 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy, theo bản án số 378/2013/HS-ST.

- Bị hại:

1. Anh Phạm Văn T, sinh năm 2004; thường trú: 112 đường C, khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Bùi Thị Thanh T1, sinh năm, 1985; thường trú: 33A1/2 khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Phương B, sinh năm 2000; thường trú: K3/109 tổ A, khu phố A, phường B, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Bà Trần Bích N2, sinh năm 1984; thường trú: 69/4, khu phố B, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

3. Ông Cao Vĩ N, sinh năm 1989; thường trú: 330 khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 16/03/2024, P điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vairio 150 mang biển kiểm soát 60F3-746.39 đi đến phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Khi đi qua khu nhà trọ tại số A, đường C, khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. P nhìn thấy phòng trọ số 07 do ông Phạm Văn T thuê trọ đang mở cửa, không có người nên P dừng xe bên ngoài, đi bộ vào trong phòng thì nhìn thấy 01 điện thoại di động Iphone XR- loại 64GB màu đen để dưới nền phòng trọ. P lấy điện thoại và ra lại đường lên xe đi đến Công ty P1 thuộc phường H, thành phố B, tỉnh Đồng Nai thì gặp N1 (không rõ nhân thân). P dừng xe nói chuyện và bán được cho Như điện thoại di động Iphone XR vừa lấy được của ông Phạm Văn T với giá: 600.000 đồng.

Tiếp đến, khoảng 18 giờ 30 phút, ngày 18/3/2024, P điều khiển xe mô tô, biển kiểm soát 60F3-746.39 đi đến phường B, khi đi ngang nhà bà Bùi Thị Thanh T1 tại số C khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương nhìn thấy cửa cổng mở nên P để xe bên ngoài, đi bộ vào bên trong thì thấy 01 điện thoại Iphone 12- loại 64GB để trên bàn phòng khách và 01 điện thoại di động hiệu Redini Note 10- loại 128GB để dưới nền nhà. P lấy cả hai điện thoại trong nhà bà T1 và ra xe nhanh chóng chạy thoát. P điều khiển xe mô tô đến tiệm “Ép kính 68” địa chỉ số C khu phố A, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai do ông Cao Vĩ N làm chủ bán điện thoại hiệu Redmi Not 10 màu trắng, với giá 1.600.000 đồng, do ông N không mua điện thoại Iphone 12 nên P tiếp tục đi đến tiệm điện thoại “78” địa chỉ số F đường T, khu phố B, phường A, thành phố B, tỉnh Đồng Nai do bà Trần Bích N2 làm chủ để bán điện thoại Iphone 12, màu đen, dung lượng 64GB với giá 2.600.000 đồng.

Sau khi bị mất tài sản ông T và bà T1 đến cơ quan Công an phường B để tố giác tội phạm. Ngày 20/3/2024, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố D bắt khẩn cấp đối với Nguyễn Tấn P.

- Vật chứng thu giữ:

+ 01 điện thoại di động Iphone 12, màu đen dung lượng 64GB, số I: 9437190, Imei2: 9307123; 01 điện thoại di động hiệu Redmi Not 10, màu trắng dung lượng 128GB, số Imeil:50762, Imei2: 50770;

+ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại Vario 150 màu sơn nâu đen, biển kiểm soát 60F3-74639.

- Tại bản kết luận định giá tài sản ngày 26/3/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong Tổ tụng hình sự thành phố D kết luận:

+ 01 điện thoại di động Iphone XR-64G màu đen, dung lượng 64GB, có giá 3.000.000 đồng;

+ 01 điện thoại di động Iphone 12, màu đen dung lượng 64GB, có giá 6.500.000 đồng;

+ 01 điện thoại di động hiệu Redmi Not 10, màu trắng dung lượng 128GB, có giá 3.000.000 đồng.

Tại cáo trạng số 290/CT-VKS - DA ngày 26 tháng 8 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương truy tố bị cáo Nguyễn Tấn P về Tội trộm cắp tài sản theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Tại phiên tòa, trong phần tranh luận đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173 , điểm s khoản 1 Điều 51; Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo từ 02 (hai) năm đến 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù.

- Về xử lý vật chứng:

+ 01 điện thoại di động Iphone 12, màu đen dung lượng 64GB, số I: 9437190, Imei2: 9307123 và 01 điện thoại di động hiệu Redmi Not 10, màu trắng dung lượng 128GB, số Imeil:50762, Imei2: 50770 là tài sản hợp pháp của

bà Bùi Thị Thanh T1, Cơ Quan điều tra công an thành phố D đã trả lại cho bà T1.

+ Đối với xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Vario 150 màu sơn nâu đen, biển kiểm soát: 60F3-746.39, số khung: MH1KF4125LK090683, số máy: KF41E2094790. Qua xác minh chủ xe mô tô là anh Nguyễn Phương B, anh B không biết P sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại xe cho ông Nguyễn Phương B.

+ Đối với hành vi của ông Cao Vĩ N và bà Trần Thị Bích N2 mua điện thoại của Nguyễn Tấn P nhưng không biết tài sản là do bị cáo phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D không xử lý trách nhiệm hình sự đối với ông Cao Vĩ N và bà Trần Thị Bích N2.

+ Đối với đối tượng tên Như (chưa rõ nhân thân) nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố D, tỉnh Bình Dương tiếp tục điều tra, làm rõ xử lý sau.

- Về trách nhiệm dân sự:

+ Ông Phạm Văn T yêu cầu bị can P bồi thường giá trị điện thoại di động hiệu Iphone XR màu đen, dung lượng 64GB, số Imei: 352884116632085 theo giá trị định giá là 3.000.000 đồng.

+ Ông Cao Vĩ N và bà Trần Bích N2 không yêu cầu bị cáo phải bồi thường lại số tiền đã bỏ ra mua điện thoại của bị cáo.

+ Bà Bùi Thị Thanh T1 đã nhận lại tài sản không yêu cầu bồi thường gì thêm.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội, không trình bày ý kiến tranh luận với luận tội của Kiểm sát viên, không trình bày lời bào chữa cho hành vi phạm tội, lời nói sau cùng bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố D, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về căn cứ xác định hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện vào ngày 16/3/2024, tại phòng trọ số 7 nhà trọ số I đường Đ, khu phố T, phường T, thành phố D, tỉnh

Bình Dương và hành vi phạm tội bị cáo đã thực hiện vào ngày 18/3/2024 tại nhà bà Bùi Thị Thanh T1 số 33A1/2 khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Lời khai của bị cáo tại phiên tòa và tại cơ quan điều tra đều thống nhất với nhau và phù hợp với lời khai của bị hại và các tài liệu chứng cứ khác được thu thập tại hồ sơ vụ án về thời gian, địa điểm và quá trình thực hiện hành vi phạm tội. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở để xác định vào lúc 10 giờ 30 phút ngày 16/03/2024, Nguyễn Tấn P đã lén lút đi vào phòng trọ của ông Phạm Văn T tại phòng trọ số 7 nhà trọ số A, đường C, khu phố B, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, lợi dụng sự vắng mặt của ông T, bị cáo phung đã chiếm đoạt của ông T 01 điện thoại di động Iphone XR-64G màu đen, dung lượng 64GB, có giá 3.000.000 đồng.

Vào lúc 18 giờ 30 phút, ngày 18/3/2024, Nguyễn Tấn P tiếp tục đi vào nhà bà Bùi Thị Thanh T1 tại số C khu phố C, phường B, thành phố D, tỉnh Bình Dương, lợi dụng lúc bà T1 không nhìn thấy Nguyễn Tấn P đã lén lút chiếm đoạt của bà T1 01 điện thoại di động Iphone 12, màu đen dung lượng 64GB, có giá 6.500.000 đồng; 01 điện thoại di động hiệu Redmi Note 10, màu trắng dung lượng 128GB, có giá 3.000.000 đồng. Tổng giá trị tài sản bị chiếm đoạt là 12.500.000 đồng

Hành vi bị cáo lén lút chiếm đoạt tài đang trong sự quản lý của chủ sở hữu có giá trị 12.500.000 đồng của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” do bị cáo chưa được xóa án tích nay lại tiếp tục phạm tội do cố ý, nên thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Như vậy, hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành Tội phạm tài sản theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Cáo trạng số 290/CT-VKS ngày 26 tháng 8 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương và luận tội của Kiểm sát viên đối với bị cáo là có căn cứ, đảm bảo đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Tội phạm do bị cáo thực hiện là nghiêm trọng nhưng đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của bị hại được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có năng lực trách nhiệm hình sự nhận thức rõ hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng vẫn cố ý thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt bị cáo với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ tội phạm đã thực hiện, có xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo phạm tội 02 lần trở lên theo quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Hội

đồng xét xử sẽ xem xét để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo thể hiện sự khoan hồng của pháp luật đối với người phạm tội.

[6] Hình phạt chính: Xét bị cáo xâm phạm đến tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, bị cáo đã có tiền án, hành vi phạm tội của bị cáo ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh trật tự tại địa phương. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới đủ để giáo dục, cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho gia đình, xã hội và có tác dụng đấu tranh, phòng ngừa chung.

- Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015 được sửa đổi, bổ sung năm 2017: *“Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”*. Tuy nhiên áp dụng phạt tù cũng đủ để răn đe, giáo dục bị cáo nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng:

- 01 điện thoại di động Iphone 12, màu đen dung lượng 64GB, số I: 9437190, Imei2: 9307123 và 01 điện thoại di động hiệu Redmi Not 10, màu trắng dung lượng 128GB, số Imeil:50762, Imei2: 50770 là tài sản hợp pháp của bà Bùi Thị Thanh T1 Cơ Quan điều tra công an thành phố D đã trả lại cho bà T1 là có căn cứ.

- Đối với xe mô tô hai bánh nhãn hiệu Honda Vario 150 màu sơn nâu đen, biển kiểm soát: 60F3-746.39, số khung: MH1KF4125LK090683, số máy: KF41E2094790 là tài sản của ông Nguyễn Phương B, ông B không biết bị cáo P sử dụng xe làm phương tiện phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra trả lại xe mô tô cho ông Nguyễn Phương B là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với hành vi của ông Cao Vĩ N và bà Trần Thị Bích N2 mua điện thoại của Nguyễn Tấn P nhưng không biết tài sản là do bị cáo phạm tội mà có nên không xử lý hình sự là phù hợp với quy định của pháp luật.

- Đối với đối tượng tên Như mua lại điện thoại của bị cáo P, đề nghị Cơ quan cảnh sát điều tra công an thành phố D tiếp tục điều tra làm rõ để xử lý theo quy định của pháp luật.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

- Bị hại ông Phạm Văn T yêu cầu bị cáo Nguyễn Tấn P bồi thường số tiền 3.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận.

- Bị hại Bùi Thị Thanh T1 đã nhận lại tài sản, không yêu cầu bị cáo bồi thường gì thêm nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án: ông Cao Vĩ N và bà Trần Bích N2 bị thiệt hại về tài sản nhưng không yêu cầu bị cáo bồi thường. Xét đây là sự tự nguyện của của ông N, bà N2 nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[9] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[10] Án phí sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Tấn P phạm Tội trộm cắp tài sản.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173, s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 2 Điều 52 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Tấn P 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 29/3/2024.

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584 và Điều 590 Bộ luật Dân sự. Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.

Buộc bị cáo Nguyễn Tấn P bồi thường cho bị hại Phạm Văn T số tiền 3.000.000 (ba triệu) đồng.

Kể từ ngày người được yêu cầu thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thi hành thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

3. Về án phí sơ thẩm: Áp dụng khoản 2 Điều 135 Bộ luật Tố tụng Hình sự; điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khoá 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Bị cáo Nguyễn Tấn P phải nộp 200.000 (hai trăm nghìn) đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- Bị cáo (01);
- VKSND TP Dĩ An (01);
- Công an TP Dĩ An (02);
- Trại tạm giam CA tỉnh BD (01);
- Chi cục THADS TP Dĩ An (01);
- TAND tỉnh Bình Dương (01);
- Sở tư pháp tỉnh Bình Dương (01);
- UBND cấp xã nơi bị cáo cư trú (01);
- Phòng PV 27 CA tỉnh BD (01);
- Phòng PC 81 CA tỉnh BD (01);
- Lưu: VT, HSVA (02).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hà

